

Mẫu sơ đồ từ vựng học tiếng Anh theo định hướng của bài thi trung học phổ thông quốc gia

Đỗ Thị Minh Tâm*

*Trường Đại học Đại Nam

Received: 5/2/2023; Accepted: 10/2/2023; Published: 14/2/2023

Abstract: Following many years of changes, the national English high school graduation exam is now relatively stable in form and structure. The test offers a lot of vocabulary questions to test students' vocabulary through different types of questions such as finding synonyms, antonyms or finding mistakes related to vocabulary. If students have a way to learn vocabulary according to the requirements of the test, they will be able to review better and do the test more effectively. In this article, the author suggests a sample of vocabulary log to learn new words to help students have a good foundation to prepare for the national high school English exam.

Keywords: Vocabulary, vocabulary log, learning English.

1. Đặt vấn đề

Môn Ngoại ngữ nói chung và môn tiếng Anh nói riêng đã trở thành một trong ba môn thi bắt buộc trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) Quốc gia. Sau nhiều lần thay đổi về hình thức thi, cấu trúc đề thi... hiện tại đề thi môn tiếng Anh đã có sự ổn định, với cấu trúc thi trắc nghiệm 50 câu xoay quanh các chủ điểm về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, giao tiếp... nhằm đánh giá tổng thể về trình độ tiếng Anh của học sinh THPT. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy môn tiếng Anh luôn nằm trong nhóm các môn có điểm trung bình thấp nhất. Điều đó chứng tỏ cần có một số giải pháp để nâng cao chất lượng học tập môn tiếng Anh cho học sinh.

Kiến thức từ vựng chiếm một phần lớn trong các câu hỏi của đề thi tốt nghiệp. Câu hỏi từ vựng bao gồm câu chọn từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ... Ngoài ra, một vốn từ vựng tốt còn hỗ trợ cho phần đọc hiểu, đọc điền từ... Chính vì vậy, tác giả gợi ý một số mẫu sơ đồ từ vựng (Vocabulary log) học tiếng Anh theo định hướng bài thi THPT Quốc gia để giúp học sinh tổng hợp hệ thống lại kiến thức từ vựng, ôn tập làm bài thi tốt nghiệp có hiệu quả.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cấu trúc của bài thi tiếng Anh, kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia

Bài thi tiếng Anh THPT Quốc gia có cấu trúc 50 câu, thời gian làm bài 60 phút. Các câu hỏi từ vựng thường nằm ở các phần sau:

- Chọn từ đi cùng với từ đó (collocation)

Ví dụ: Question 2. Thanks to her father's encouragement, she has made great ___ in her study.

A. development

B. contribution

C. progress

D. standard

Trích: Mã đề 410 – Đề thi THPTQG 2017

(Trong đó *make* chỉ đi với 2 phương án B và C, và B là phương án gây nhiễu)

- Chọn từ đồng nghĩa với từ gạch chân

Ví dụ: Question 7: The photos **brought back** many sweet memories of our trip to Hanoi last year.

A. recalled B. released C. revised D. caught

Trích: Mã đề 401 – Đề thi THPTQG 2019

- Chọn từ trái nghĩa với từ gạch chân

Question 20: Today the number of start-ups in Vietnam is **mounting** as the government has created favourable conditions for them to develop their business.

A. decreasing B. varying C. rising D. peaking

Trích: Mã đề 409 – Đề thi THPTQG 2018

- Tìm lỗi sai: Trong đó có một số câu tập trung vào việc sử dụng một từ vựng dùng sai do gần giống nhau về mặt chính tả hoặc cùng là từ phái sinh từ một từ gốc, nhưng có ý nghĩa khác nhau.

Ví dụ: Question 49: The spokesman had an uphill struggle to find an explanation that was readily intelligent to the layman.

Trích: Mã đề 401 – Đề thi THPTQG 2021

Lỗi sai là *intelligent* (thông minh) vì từ này cùng gốc với từ chính xác là *intelligible* (dễ hiểu).

Ngoài ra, các câu từ vựng còn nằm ở bài đọc điền từ, bài đọc hiểu, trọng tâm thường là hướng tới các mục từ dễ nhầm lẫn, các cách kết hợp từ hoặc kiểm tra khả năng suy đoán từ vựng của học sinh.

Ví dụ: Question 34: The word "*charm*" in paragraph 3 is closest in meaning to _____

A. price

B. attraction

C. safety D. danger

Trích: Mã đề 401 – Đề thi THPTQG 2020

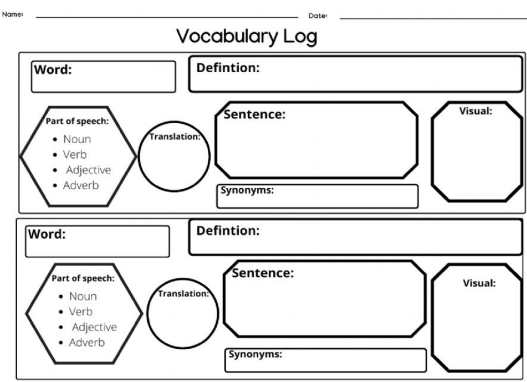
Như vậy, việc học từ vựng tiếng Anh chuẩn bị cho kỳ thi THPT Quốc gia phải hướng tới các yêu cầu sau: Nắm chắc ý nghĩa của từ vựng, làm nền tảng cho các câu hỏi về từ vựng, câu hỏi ngữ âm, câu hỏi đọc hiểu; Ghi nhớ các dạng đồng nghĩa, trái nghĩa của từ vựng đã cho; Phân biệt sự khác nhau về ý nghĩa giữa các từ đồng nghĩa để dùng đúng ngữ cảnh, ngữ pháp...; Ghi nhớ các dạng kết hợp từ của từ vựng (collocation); Phân biệt các từ có cùng một gốc từ, các từ có cách viết gần giống nhau gây nhầm lẫn.

2.2. Từ vựng, sơ đồ từ vựng và mẫu sơ đồ từ vựng

2.2.1. Từ vựng và sơ đồ từ vựng

Từ vựng đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngoại ngữ (Alqahtani, 2015; Richard 1976). Tuy nhiên, theo Lessard-Clouston (2013), bản thân một người bản ngữ cũng cần học từ vựng. Điều đó chứng tỏ việc học từ vựng là một kỹ năng cần thiết. Khi học từ vựng cần lưu ý các thành tố: cách phát âm (sound), ý nghĩa (meaning, bao gồm cả nghĩa gốc và nghĩa phái sinh), từ loại (part of speech), cách sử dụng (use) và các từ liên quan, như dạng quá khứ, dạng số nhiều, cấu trúc đi kèm (Elyas & Alfaki, 2014). Với yêu cầu đặt ra khi học từ vựng, cùng với yêu cầu về việc học từ vựng theo định hướng bài thi tốt nghiệp, sơ đồ từ vựng (vocabulary log) là một giải pháp giải quyết được các vấn đề trên.

Thông thường, một sơ đồ từ vựng gồm có: (1) Từ, (2) Định nghĩa, (3) Từ loại, (4) dịch, (5) câu có chứa từ, (6) từ đồng nghĩa, và (7) hình ảnh minh họa.



Hình 2.1: Ví dụ một mẫu sơ đồ từ vựng – Nguồn:

https://www.liveworksheets.com/worksheets/en/English_as_a_Second_Language_ESL/Vocabulary/Vocabulary_Log_vj1018702br

2.2.2. Mẫu sơ đồ từ vựng theo định hướng kỳ thi THPT Quốc gia

Một mẫu sơ đồ từ vựng theo định hướng kỳ thi

THPT Quốc gia có thể thêm bớt một số yếu tố cho phù hợp và được trình bày linh hoạt dạng bảng, dạng sơ đồ tư duy... tùy theo ý thích và khả năng sáng tạo của học sinh. Sơ đồ từ vựng thể hiện qua bảng là cách trình bày đơn giản và dễ áp dụng nhất.

Từ (từ, từ loại, phiên âm/ trọng âm)
Ý nghĩa (tiếng Việt/ tiếng Anh)
Ví dụ (Câu có chứa từ)
Các từ cùng gốc
Kết hợp từ
Từ đồng nghĩa
Từ trái nghĩa
Lưu ý

Bảng 2.1: Sơ đồ từ vựng dạng bảng

Ví dụ:

Từ (từ, từ loại, phiên âm/ trọng âm)	Decide /dɪ'saɪd/ (v)
Ý nghĩa (tiếng Việt/ tiếng Anh)	Quyết định
Ví dụ (Câu có chứa từ)	I decided to go there early.
Các từ cùng gốc	Decision, decisive, decisively
Kết hợp từ	Decide to V/ decide that S V Make a decision on st
Từ đồng nghĩa	Determine / resolve (Từ gần nghĩa)
Từ trái nghĩa	
Lưu ý	Determine / resolve : quyết tâm làm gì

Bảng 2.2: Ví dụ một sơ đồ từ vựng dạng bảng

Bảng sơ đồ trên đã liệt kê đầy đủ các yếu tố của mục từ “decide”: là động từ, trọng âm là âm tiết số 2, cách kết hợp theo sau là động từ nguyên thể/ cụm chủ vị, dạng danh từ có kết hợp động từ “make” và giới từ “on”...

2.3. Ưu nhược điểm và gợi ý thực hiện

2.3.1. Ưu điểm và nhược điểm

Sử dụng sơ đồ từ vựng có một số ưu điểm nổi trội sau: Đầy đủ, chi tiết các yếu tố từ vựng, giúp học sinh nắm chắc cách sử dụng của từ, hỗ trợ cho bài đọc hiểu; Có phiên âm, trọng âm, phục vụ cho bài ngữ âm; Cung cấp từ đồng nghĩa, trái nghĩa, cách kết hợp từ; Hệ thống kiến thức khoa học, logic, dễ dàng trong quá trình ôn tập, tránh tình trạng học sinh viết vào sách, vào đề ôn tập... thất lạc hoặc rải rác khó tập hợp, khó ôn tập; Rèn luyện tính cẩn cù, tỉ mỉ và khả năng tự học, tự tra cứu của học sinh.

Bên cạnh đó, sơ đồ từ vựng cũng có một số nhược điểm sau: Chi tiết, tốn thời gian và công sức; Cần có sự tra cứu, hỗ trợ của giáo viên: tra cứu các từ đồng nghĩa, trái nghĩa, các dạng của từ.

Mặc dù vậy, sơ đồ từ vựng là sản phẩm “làm một lần, dùng lâu dài”, giúp học sinh nắm chắc từ vựng, vận dụng vào bài thi tốt nghiệp có hiệu quả.

(Xem tiếp trang 38)

tính lôi cuốn, sinh viên cũng dễ dàng cảm thấy nhàm chán. Nói một cách khác, giảng viên gặp trở ngại trong việc lấy người học làm trung tâm.

Phòng Nghe Nhìn (Lab Room) vẫn chưa được khai thác một cách triệt để. Một số giảng viên vẫn chưa sử dụng phòng Nghe Nhìn nhiều để tổ chức lớp học vì lo ngại một số trục trặc liên quan đến kỹ thuật sẽ ảnh hưởng đến bài dạy, khiến cho tiết học diễn ra không theo ý muốn.

2.3. Một số đề xuất trong việc ứng dụng CNTT trong dạy và học tiếng Anh tại Trường Đại học An Giang

Nhà trường cần nâng cấp chất lượng hệ thống Wifi mạnh và theo diện rộng để tạo điều kiện cho giảng viên có thể truy cập vào bài giảng dễ dàng hơn, sinh viên có thể tra cứu tài liệu tốt hơn. Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm LMS để quản lý việc học của sinh viên cũng được thuận lợi hơn.

Hiện nay, tình hình dịch Covid cũng đã tạm ổn. Giảng viên có thể kết hợp giảng dạy theo hình thức trực tuyến và trực tiếp để phát huy một cách tối ưu ứng dụng của CNTT trong dạy học tiếng Anh.

Giảng viên cần tham gia tập huấn về cách sử dụng phòng Nghe Nhìn. Bên cạnh đó, trường có thể điều phối một nhân viên kỹ thuật hỗ trợ Khoa trong quá trình giảng viên sử dụng phòng Nghe Nhìn.

3. Kết luận

Việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy tiếng Anh làm tăng hiệu quả của quá trình dạy và học một cách đáng kể. Mặc dù gặp phải một số hạn chế, nhưng trường Đại học An Giang đã rất thành công trong việc tận dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên được tham gia giảng dạy và học tập trong một môi trường tiên tiến, hiện đại. Điều này góp phần làm cho nền giáo dục của tỉnh An Giang có thể theo kịp với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] Cái Ngọc Duy Anh, Bảo Khâm, Nguyễn Thị Hồng Duyên, Huỳnh Long Hà, Nguyễn Thị Phương Lan (2016), *Những xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn 125(11):119-134.

[2] Đào Thị Hòa Quỳnh (2020), *Báo cáo chuyên đề Ứng dụng công nghệ thông tin giúp nâng cao hiệu quả dạy học môn tiếng Anh*, Ứng dụng CNTT trong dạy học ngoại ngữ (hungyen.edu.vn).

[3] Ngọc An (2021), *Ứng dụng công nghệ trong dạy học tiếng Anh*, *Ứng dụng công nghệ trong dạy học tiếng Anh - VnExpress*.

Gợi ý mẫu sơ đồ từ vựng học tiếng Anh..... (tiếp theo trang 5)

2.3.2. Gợi ý thực hiện

Khi làm sơ đồ từ vựng, giáo viên và học sinh có thể tham khảo các gợi ý sau: Chuẩn bị một quyển sổ/ vở riêng để làm sổ ghi ghép sơ đồ từ vựng, có thể đánh danh sách theo bảng chữ cái, thực hiện theo đơn vị bài học hoặc các đề ôn tập để đảm bảo tính hệ thống, tiện lợi cho tra cứu. Giáo viên hướng dẫn học sinh các mục cần hoàn thiện trong sơ đồ từ vựng, cung cấp cho học sinh các đề mục khó hoặc cung cấp các cách tra cứu. Ví dụ: tra cứu phiên âm và nghĩa: từ điển Anh Việt thông dụng, từ điển Lạc Việt, tra cứu từ đồng nghĩa, trái nghĩa, từ cùng gốc: <https://www.thesaurus.com/>; <https://www.ldoceonline.com/>, tra cách kết hợp từ: <https://www.freecollocation.com/>.

Một số đề mục không có nội dung, như từ trái nghĩa... có thể để trống. Khuyến khích đặt câu có chứa từ vựng cần học để tăng khả năng sử dụng ngôn ngữ của học sinh. Nếu không, học sinh có thể lựa chọn câu gốc chứa từ vựng làm ví dụ về cách sử dụng của từ.

3. Kết luận

Từ vựng đóng một vai trò quan trọng với việc học

ngoại ngữ. Kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia cũng chú trọng đến kiểm tra, đánh giá kiến thức từ vựng của học sinh trong suốt 12 năm học. Việc sử dụng mẫu sơ đồ từ vựng là một giải pháp giúp học sinh học tập từ vựng chuyên sâu, ôn luyện hiệu quả cho kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia.

Tài liệu tham khảo

1. Alqahtani M., (2015). "The importance of vocabulary in language learning and how to be taught," *International Journal of Teaching and Education*, International Institute of Social and Economic Sciences, vol. 3(3), pages 21-34, September.

2. Elyas T. & Alfaki I., 2014, *English Language Teaching*; Vol. 7, No. 10; 2014 <https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1075961.pdf>

3. Lessard-Clouston, M. (2013). *Teaching vocabulary*. Alexandria, VA: TESOL International Association.

4. Richards, J. C. (1976). The Role of Vocabulary Teaching. *TESOL Quarterly*, 10(1), 77–89. <https://doi.org/10.2307/3585941>.